SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2024.*

# THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Gói thầu: Bảo trì sửa chữa máy lạnh 2 cụm toàn bệnh viện năm 2025 (Lần 2)

Căn cứ nhu cầu hiện nay;

Căn cứ phiếu trình duyệt chủ trương lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu "Bảo trì sửa chữa máy lạnh 2 cụm toàn bệnh viện năm 2025"

Căn cứ danh mục tài sản đính kèm.

Bệnh viện Nguyễn Tri Phương mời các đơn vị có chức năng xem xét báo giá theo danh mục đính kèm để làm cơ sở lập giá dự toán gói thầu "Bảo trì sửa chữa máy lạnh 2 cụm toàn bệnh viện năm 2025".

- Thời gian nhận báo giá: từ ngày 05 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 9 tháng 12 năm 2024.
- Hồ sơ báo giá khi nộp phải được bỏ vào phong bì niêm phong kín (ký tên và đóng dấu chỗ dán bì thư) và nộp tại phòng Hành chính quản trị của Bệnh viện.

Bệnh viện Nguyễn Tri phương thông báo đến các đơn vị có chức năng quan tâm chào giá phụ vụ công tác lập dự toán thực hiện nhiệm vụ

Mọi chi tiết xin liên hệ: 08.39234332 (5320) – Phòng HCQT./.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**LÊ CAO PHƯƠNG DUY**

Scanned with CamScanner

# BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ BẢO TRÌ 2024

GÓI THẦU:

BẢO TRÌ SỬA CHỮA MÁY LẠNH 2024 BV NGUYỄN TRI PHƯƠNG

DỰ TOÁN MUA SẮM:

**SỐ LƯỢNG MÁY CẦN BẢO TRÌ: 442 BỘ MÁY LẠNH**

| STT | KHOẢN MỤC CHI PHÍ | DIỄN GIẢI | GIÁ TRỊ (đồng) | KÝ HIỆU | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi phí vật liệu | Bảng tính 1 | | VL | |
| 2 | Chi phí nhân công | Bảng tính 2 | | NC | |
| 3 | Chi phí máy thi công | Bảng tính 3 | | M | |
| 4 | Cộng | VL + NC + M | | T | |
| 5 | Thuế GTGT | T x 10% | | GTGT | |
| 6 | Chi phí bảo trì sau thuế | T + GTGT | | GxD | |
| 7 | Giảm giá | | | GG | |
| 8 | Tổng Chi phí còn lại sau giảm giá | GxD - GG | | GxT | |

**ĐƠN GIÁ BẢO TRÌ**

| STT | KHOẢN MỤC CHI PHÍ | DIỄN GIẢI | GIÁ TRỊ (đồn | KÝ HIỆU | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi phí bảo trì 1 máy / 1 năm | GxT / 442 bộ | 0 | ĐGN | |
| 2 | Chi phí bảo trì 1 máy / 1 tháng | ĐGN/ 12 tháng | 0 | ĐGT | Đã bao gồm VA |
| Làm tròn | | | 0 | | |

**Bảng tính 01 - Chi phí sửa chữa khi máy hư hỏng.**

| STT | Thành phần chi phí | Đơn vị | Số lượng/năm | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thay Block 1.0HP, loại thường | Cái | 10 | | 0 |
| 2 | Thay Block 1.5HP, loại thường | Cái | 10 | | 0 |
| 3 | Thay Block 2.0HP, loại thường | Cái | 10 | | 0 |
| 4 | Thay Block 1.0HP, loại inverter | Cái | 4 | | 0 |

Scanned with CamScanner

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Thay Block 1.5HP, loại inverter | Cái | 10 | | 0 |
| 6 | Thay Block 2.0HP, loại inverter | Cái | 4 | | 0 |
| 7 | Thay tụ block | Cái | 40 | | 0 |
| 8 | Thay tụ quạt | Cái | 20 | | 0 |
| 9 | Thay nhớt máy lạnh treo tường từ 1.0-2.0HP | Bộ | 15 | | 0 |
| 10 | Thay quạt dàn nóng máy lạnh treo tường từ 1.0-2.0HP | Cái | 20 | | 0 |
| 11 | Thay dàn nóng, dàn lạnh máy lạnh treo tường từ 1.0-2.0HP | Cái | 5 | | 0 |
| 12 | Nhân công tháo, rã dàn lạnh vệ sinh máy lạnh treo tường | bộ | 60 | | 0 |
| 13 | Sửa board máy lạnh loại thường | 1 | 36 | | |
| 14 | Sửa board máy lạnh loại inverter (không bao gồm IC khiển/ IC nguồn) | | 30 | | |
| 15 | Xử lý máy bị xì racco, xì dàn | 1 | 96 | | |
| 16 | Sạc gas (tháo rã dàn vệ sinh, hàn xì sạc gas, thay block, sạc thêm bổ sung…) | Bộ | 100 | | 0 |
| **Tổng cộng** | | | | | **0** |

**Bảng tính 02 - Chi phí vệ sinh định kỳ**

| STT | Thành phần chi phí | Số lần thực hiện/năm | Số lượng (bộ) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vệ sinh máy lạnh treo tường | 6 | 436 | | 0 |
| 2 | Vệ sinh máy lạnh treo tường | 4 | 2 | | 0 |
| 3 | Vệ sinh máy lạnh công nghiệp 4-5HP | 4 | 1 | | 0 |
| 4 | Vệ sinh dàn nóng máy lạnh công nghiệp 4-5HP | 6 | 3 | | 0 |
| 5 | Vệ sinh dàn lạnh máy lạnh công nghiệp 4-5HP | 2 | 3 | | 0 |
| 6 | Nhân công xử lý máy bị hư hỏng, chảy nước đột xuất 24/24. | | 436 | | |
| **TỔNG CỘNG** | | | | | |

Scanned with CamScanner